

Số: 632/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 22 tháng 9 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HUẾ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;  
Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 667/2026/TLST-HNGĐ ngày 09/9/2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Hồ Việt A, sinh năm 1987. Căn cước công dân số 0400XXXXXXXX, do Bộ Công an cấp ngày XX/XX/2026.

Địa chỉ: đường T, phường T, thành phố Huế.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1996. Căn cước công dân số 0451XXXXXXXX, do Bộ Công an cấp ngày XX/XX/2024.

Địa chỉ: đường V, phường T1, thành phố Huế.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Việt A và bà Nguyễn Thị N đăng ký kết hôn số X ngày XX tháng XX năm 2021 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Huế. Nay là phường P, thành phố Huế trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa ông A và bà N là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không tìm được tiếng nói chung, không còn sự quan tâm, chia sẻ và không thể hàn gắn. Vợ chồng hiện đã sống ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được việc thuận tình ly hôn giữa ông A và bà N là hoàn

toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được công nhận.

[2] Về con chung: Ông Hồ Việt A và bà Nguyễn Thị N có 01 con chung là cháu Hồ Nguyễn A T, sinh năm 2021. Hiện nay cháu đang sống cùng với ông Hồ Việt A. Ông Hồ Việt A và bà Nguyễn Thị N tự nguyện thỏa thuận giao cháu Hồ Nguyễn A T cho ông Hồ Việt A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); bà Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Ông Hồ Việt A và bà Nguyễn Thị N xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ về tài sản: Ông Hồ Việt A và bà Nguyễn Thị N xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông Hồ Việt A và bà Nguyễn Thị N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

Xét sự thỏa thuận của ông Hồ Việt A và bà Nguyễn Thị N là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và bảo đảm quyền lợi chính đáng của các con chung nên được công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa ông Hồ Việt A và bà Nguyễn Thị N.

1.2. Về con chung: Giao cháu Hồ Nguyễn A T cho ông Hồ Việt A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Bà Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung: Ông Hồ Việt A và bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nghĩa vụ về tài sản: Ông Hồ Việt A và bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2. Về lệ phí Tòa án: Ông Hồ Việt A và bà Nguyễn Thị N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà ông A, bà N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000XXX ngày 09/09/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Huế.**

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 34 Luật Thi hành án dân sự ./.**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 – Huế;
- Phòng THADS khu vực 1 – Huế;
- UBND phường P;
- (ĐKKH số X ngày XX/XX/2021)
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Hoàng Quang Bình**